

Số: 3291/QĐ-STNMT

Nam Định, ngày 13 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ phương án số 3227/PA-STNMT ngày 9 tháng 11 năm 2018 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính về hiệp y phương án phân bổ dự toán thu - chi NSNN năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường (theo biểu số 1 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan thuộc Sở thực hiện Quyết định này. *Đ*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Website của Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *Đ*



GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Hưng

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường

Biểu số 1

CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-STNMT ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Sở TNMT)

ĐVT: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó							TT Phát triển quỹ đất	TT Công nghệ thông tin	TT Quan trắc và Phân tích TNMT						
				Văn phòng Sở	Chi cục BVMT	Chi cục Biển	Trung tâm Điều tra và ĐGTNMT Biển	TT Kỹ thuật và CNĐC và CNĐC	Văn phòng ĐKĐĐ	0				31.000	0	18.000	0		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	229.000	229.000																
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước																		
1	Chi quản lý hành chính	175.000	175.000																
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	175.000	175.000																
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0																
2	Chi sự nghiệp đào tạo	0	0																
3	Chi hoạt động kinh tế (Sự nghiệp tài nguyên)	51.000	51.000																
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	51.000	51.000																
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0																
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.000	3.000																
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0																
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.000	3.000																

